

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3661/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22- 9-2022

V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đăng Vạn
2. Bà Đinh Thị Thảo

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Thu- Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tuyển - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 1483/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6256/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị M, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: nhà không số, đường 5, tổ 5, khu phố G, phường L, thành phố Thủ Đức.

Bị đơn: Ông Lương Đình H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: nhà không số, đường 5, tổ 5, khu phố G, phường L, thành phố Thủ Đức.

NHẬN THẤY:

Trong đơn xin ly hôn ngày 31/5/2022 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Phan Thị M trình bày:

Bà và ông Lương Đình H tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61 quyển số 01 ngày 30/6/2009. Cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế. Ông H thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình, con cái. Đôi bên đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Bà xác định không

còn tình cảm với ông H, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có ba người con chung Lương Đình Tường A, sinh ngày 13/7/2011, Lương Nữ Thục A1, sinh ngày 17/12/2013 và Lương Nữ Minh A2, sinh ngày 20/3/2016. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba người con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Lương Đình H dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông H; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba người con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có. Nợ chung: Không có.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà M được ly hôn ông H; giao 03 người con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung không có. Bà M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phan Thị M và ông Lương Đình H đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61 quyển số 01 ngày 30/6/2009. Bà M yêu cầu ly hôn với lý do cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn và ông H cư trú tại phường L, thành phố Thủ Đức. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lương Đình H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Theo lời khai của bà M thì vợ chồng bà tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2009. Cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn giữa vợ chồng về tình cảm và kinh tế. Ông H thường xuyên vắng nhà, không quan tâm gia đình và con cái.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thụ lý vụ án hôn nhân gia đình do bà Phan Thị M là người khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lương Đình H. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật cho ông H đến Tòa án để ghi lời khai, hòa giải nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, chưa thực sự coi trọng tình nghĩa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”*

Xét quá trình sống chung giữa đôi bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà M yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông H là có cơ sở giải quyết.

[3.2] Về con chung:

Tại tờ trình bày nguyện vọng ngày 15/6/2022, người con Lương Đình Tường A và Lương Nữ Thực A1 có nguyện vọng được ở với mẹ. Người con Lương Nữ Minh A2, sinh ngày 20/3/2016 còn nhỏ. Bà M trình bày bà đang trực tiếp nuôi dưỡng cả ba người con chung.

Xét cả ba người con hiện đang ở với bà M, được bà M chăm sóc từ nhỏ đến nay nên để đảm bảo cho sự ổn định, phát triển toàn diện và tốt nhất về thể chất, tinh thần cho ba người con, Hội đồng xét xử giao ba người con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3.4] Về tài sản chung: Bà M khai không có tài sản chung. Ông H cũng không có yêu cầu gì về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Bà M khai không có nợ chung.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Phan Thị M phải nộp nhưng được cản trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0027329 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ những nhận định và phân tích trên, xét thấy đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị M được ly hôn ông Lương Đình H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyền số 01 ngày 30/6/2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh H cấp cho bà Phan Thị M và ông Lương Đình H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao ba người con chung Lương Đình Tường A, sinh ngày 13/7/2011, Lương Nữ Thực A1, sinh ngày 17/12/2013 và Lương Nữ Minh A2, sinh ngày 20/3/2016 cho bà Phan Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà Phan Thị M không yêu cầu ông Lương Đình H cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: 300.000 đồng bà Phan Thị M phải nộp nhưng được cản trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0027329 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo